

KẾ HOẠCH

Thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

Thực hiện Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 19/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ tỉnh Nam Định theo hướng văn minh, hiện đại, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh để nâng cao giá trị gia tăng, tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

Tập trung thu hút các nguồn lực phát triển một số ngành dịch vụ có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế của tỉnh làm nền tảng tạo tác động lan tỏa tới các lĩnh vực dịch vụ khác, tăng cường sự hợp tác giữa các lĩnh vực dịch vụ để cùng cạnh tranh và phát triển.

Nâng cao chất lượng quy hoạch, chú trọng nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng của khu vực dịch vụ như công nghệ thông tin - truyền thông, giáo dục, y tế, logistics và vận tải, tài chính - ngân hàng để đáp ứng nhu cầu vận hành và phát triển các ngành dịch vụ trên địa bàn tỉnh, khu vực và cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng bình quân giá trị các ngành dịch vụ (giá so sánh 2010) giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 8,3%; dự kiến năm 2020 tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GRDP (giá hiện hành) khoảng 35,6%. Giai đoạn 2021-2025, giá trị các ngành dịch vụ tăng bình quân khoảng 9%/năm; đến năm 2025 tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GRDP (giá hiện hành) chiếm khoảng 38%.

- Tỷ trọng lao động các ngành dịch vụ qua đào tạo có chứng chỉ đến năm 2020 đạt khoảng 30%, đến năm 2025 đạt khoảng 40%.

- Tài chính - ngân hàng: Đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, nhất là thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công và chi trả các

chương trình an sinh xã hội; tối ưu hóa mạng lưới ATM, POS góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2020, tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán ở mức dưới 10%; đến năm 2025, tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán ở mức dưới 8%, tỷ lệ nợ xấu của các tổ chức tín dụng trên địa bàn dưới 3%.

- Công nghệ thông tin và truyền thông: Ưu tiên, tập trung nguồn lực phát triển ngành công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông để chủ động, sẵn sàng, tiên phong tham gia Cách mạng công nghiệp 4.0 theo tinh thần của Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị. Phát triển, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin có chất lượng, sức cạnh tranh, sáng tạo, trong đó: phát triển dịch vụ bưu chính để làm hạ tầng chuyển phát và logistics cho thương mại điện tử với mục tiêu tăng trưởng bình quân 30%/năm; phát triển dịch vụ viễn thông để làm hạ tầng kết nối cho nền kinh tế số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, xã hội số và nền kinh tế số. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống cơ sở dữ liệu quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- Phân phối: Đến năm 2020, tăng tỷ trọng mức bán lẻ hàng hóa theo loại hình thương mại hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị, mạng lưới cửa hàng tiện lợi,...) đạt khoảng 30%; tổng giá trị hàng xuất khẩu trên địa bàn tỉnh đạt trên 2,2 tỷ USD; tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 50.200 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2019. Đến năm 2025, tăng tỷ trọng mức bán lẻ hàng hóa theo loại hình thương mại hiện đại đạt khoảng 35%; tổng giá trị hàng xuất khẩu trên địa bàn tỉnh đạt trên 4,0 tỷ USD; tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giai đoạn 2021-2025 đạt 12%/năm.

- Giáo dục đào tạo và lao động: Đến năm 2020, giáo dục nghề nghiệp đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo; bình quân hàng năm đào tạo nghề nghiệp cho khoảng 32.000 người, trong đó: trình độ trung cấp, cao đẳng chiếm khoảng 25 - 30%, khoảng 10 - 15% được đào tạo theo các ngành, nghề trọng điểm, khoảng 80 - 85% có việc làm sau đào tạo. Đến năm 2025, bình quân hàng năm đào tạo nghề nghiệp cho khoảng 35.000 người, ít nhất 85% người học có việc làm hoặc có năng suất, thu nhập cao hơn sau đào tạo. Phát triển quy mô và mạng lưới trường các cấp bậc học; tăng cường chất lượng giáo dục phù hợp với mục tiêu đổi mới chương trình, sách giáo khoa và cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư; phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; hoàn thiện thể chế, đổi mới quản lý hệ thống quản lý nhà trường; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giáo dục; hội nhập quốc tế về giáo dục.

- Logistics và vận tải: Đến năm 2020, tổng khối lượng vận chuyển đạt 23,8 triệu hành khách và 24 triệu tấn hàng hóa. Đến năm 2025, phấn đấu đạt

ứng nhu cầu vận tải đa dạng của nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành của vận tải hàng hóa là 8%/năm, vận tải hành khách là 5%/năm; tổng khối lượng vận chuyển đạt 29 triệu hành khách và 32 triệu tấn hàng hóa.

- Khoa học và công nghệ: Đến năm 2020, thông qua yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) của hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp khoảng 30% vào tăng trưởng kinh tế; giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 35- 40% tổng giá trị sản xuất công nghiệp, chỉ số đổi mới công nghệ, thiết bị tăng trung bình 15-20%/năm; giá trị giao dịch của thị trường khoa học và công nghệ tăng trung bình 15%/năm. Đến năm 2025, thông qua yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) của hoạt động khoa học công nghệ đóng góp khoảng 40% vào tăng trưởng kinh tế. Giá trị giao dịch của thị trường khoa học công nghệ tăng trung bình 20%/năm.

- Du lịch: Đến năm 2020 thu hút khoảng 2,75 triệu lượt khách du lịch (trong đó 6.450 lượt khách quốc tế và 2.743.550 lượt khách nội địa), tổng thu nhập du lịch đạt khoảng 860 tỷ đồng. Đến năm 2025 thu hút khoảng 3,2 triệu lượt khách du lịch (trong đó 6.570 lượt khách quốc tế và 3.193.430 lượt khách nội địa), tổng thu nhập du lịch đạt khoảng 1.234 tỷ đồng.

- Y tế: Đến năm 2020: đạt 30 giường bệnh và 9 bác sĩ trên 1 vạn dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 91% dân số. Đến năm 2025: đạt 31 giường bệnh và 10 bác sĩ trên 1 vạn dân; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số. Tỷ lệ chi tiêu tiền túi (OOP - Out of Pocket) của hộ gia đình giảm còn 35% tổng chi cho y tế.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH DỊCH VỤ ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

1. Tạo lập môi trường chung cho phát triển các ngành dịch vụ

a) Tổ chức thực hiện hiệu quả Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 27/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam đến năm 2020; Quyết định số 808/QĐ-TTg ngày 29/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược phát triển tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam đến năm 2020; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; các Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016, số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017, số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia các năm 2016-2020 và các Kế hoạch/Chương trình hành động hàng năm của tỉnh để triển khai các Nghị quyết nêu trên.

b) Đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tiếp tục rà soát, đơn giản hóa và kiến nghị đơn giản hóa theo thẩm quyền các quy định về điều kiện

kinh doanh, xuất nhập khẩu các ngành dịch vụ thuộc danh mục kinh doanh có điều kiện theo hướng thực chất, giảm thời gian và chi phí cho người dân và doanh nghiệp khi gia nhập thị trường và thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định của nhà nước.

c) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nam Định. Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các quỹ phát triển công nghệ khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

d) Rà soát, kiến nghị các cấp có thẩm quyền điều chỉnh các quy định về điều kiện kinh doanh trong các ngành dịch vụ để khuyến khích phát triển các ngành dịch vụ ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và các công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để tạo ra các sản phẩm dịch vụ mới, cải tiến chất lượng và cách thức cung cấp các dịch vụ truyền thống nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các ngành dịch vụ để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và toàn diện.

đ) Đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử gắn với việc đổi mới phương thức điều hành của hệ thống hành chính, phù hợp với tiến trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ. Tiếp tục thực hiện tốt việc gửi, nhận văn bản điện tử có ký số trên trực liên thông văn bản quốc gia. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

e) Đầu tư xây dựng hệ thống Trung tâm điều hành thành phố thông minh tỉnh Nam Định sau khi vận hành thử nghiệm để đáp ứng yêu cầu đổi mới, tăng cường sự minh bạch, nâng cao năng lực quản lý, chất lượng, hiệu quả của các cơ quan nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Đối với lĩnh vực tài chính - ngân hàng

- Đẩy mạnh phát triển phương thức thanh toán không dùng tiền mặt như ngân hàng trực tuyến, thanh toán qua Internet, điện thoại di động, thanh toán qua QR Code,.... Thực hiện tuyên truyền, phổ biến kiến thức về thanh toán không dùng tiền mặt và các sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng đến người dân, doanh nghiệp bằng các hình thức phù hợp, thiết thực, hiệu quả.

- Tiếp tục phát triển, sắp xếp hợp lý mạng lưới ATM và POS đảm bảo hiệu quả, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, khuyến khích các ngân hàng

đầu tư và mở rộng mạng lưới ATM tới khu vực nông thôn, khó tiếp cận các điểm giao dịch của ngân hàng.

- Đa dạng hóa các kênh cung ứng dịch vụ ngân hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ theo hướng cải thiện thái độ phục vụ; đổi mới quy trình, thủ tục và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tiết kiệm thời gian, chi phí, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh.

- Chú trọng phát triển, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, ứng dụng các công nghệ chủ chốt của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đảm bảo nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế trên cơ sở hiệu quả, an toàn, bảo mật.

- Tăng cường công tác thanh tra, giám sát đối với hoạt động thanh toán của các ngân hàng trên địa bàn, đảm bảo sự ổn định, an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán.

3. Đối với lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông

- Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các hợp phần của Đề án đô thị thông minh theo tinh thần Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị và Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó tập trung ưu tiên nguồn lực để đầu tư: Xây dựng Trung tâm điều hành đô thị thông minh; thực hiện chuyển đổi số ở một số lĩnh vực trọng điểm; xây dựng hệ thống camera giám sát và quản lý đô thị thông minh; tăng cường cung cấp các tiện ích đô thị thông minh, nhất là trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, du lịch...

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, đổi mới phương thức điều hành của hệ thống hành chính, tạo sự công khai, minh bạch trong công tác quản lý nhà nước. Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng nền tảng của chính quyền điện tử gắn với xây dựng đô thị thông minh.

- Thúc đẩy phát triển bưu chính bền vững, chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số, trong đó chú trọng các dịch vụ liên quan đến chính quyền điện tử (tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích) và các dịch vụ mang tính hỗ trợ/logistics cho thương mại điện tử. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp bưu chính trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các doanh nghiệp quản lý mạng bưu chính công cộng đổi mới phương thức hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng chuyển phát, cải thiện chính sách hậu mãi và chăm sóc khách hàng.

- Phát triển thị trường công nghệ thông tin và truyền thông bền vững, định hướng chuyển đổi cơ cấu ngành sang các trụ cột mới (dịch vụ nội dung số, chuyển đổi số, công nghiệp an toàn và an ninh mạng, thương mại điện tử, vận

chuyển...), đối tượng mới (thành phố thông minh, chính phủ số, công dân số), không gian mới (trong khu vực, thị trường quốc tế). Phát triển, chuyên dịch hạ tầng viễn thông sang hạ tầng ICT; phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại để thúc đẩy chuyển đổi số. Phát triển các ứng dụng và nội dung số trên nền công nghệ viễn thông 5G.

4. Đối với lĩnh vực phân phối

- Đẩy mạnh phát triển, hiện đại hóa hệ thống phân phối, đảm bảo sự cân bằng giữa các kênh phân phối hiện đại và các kênh phân phối truyền thống. Thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp có kinh nghiệm ở trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào lĩnh vực phân phối, bán buôn, bán lẻ nhằm hiện đại hóa, nâng cao chất lượng của hệ thống hạ tầng thương mại trên địa bàn. Đồng thời, huy động nguồn lực để cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật của hệ thống chợ, tổ chức hoạt động theo hướng chuyên nghiệp.

- Khuyến khích doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử vào tiêu thụ sản phẩm, tích cực triển khai quy trình bán hàng kết hợp với thanh toán trực tuyến, kết nối với các nền tảng thương mại điện tử trong nước và quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website để quảng bá sản phẩm, tăng cường khả năng tiếp cận thị trường, mở rộng quy mô sản xuất và xuất khẩu.

- Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn 2025, tầm nhìn đến 2035. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá sản phẩm, tìm kiếm đối tác. Hỗ trợ doanh nghiệp khai thác, tận dụng tốt các cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường các nước tham gia các Hiệp định thương mại tự do với Việt Nam, đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

5. Đối với lĩnh vực giáo dục đào tạo và lao động

- Ổn định và củng cố mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; nâng cao chất lượng các trường đạt chuẩn quốc gia. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, xây dựng xã hội học tập; nâng cao chất lượng hoạt động của các trường, các trung tâm giáo dục tự thực hiện có. Sắp xếp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, đảm bảo quy mô, cơ cấu hợp lý gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học công nghệ, xu hướng phát triển ngành nghề của tỉnh, quốc gia, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Cải thiện chất lượng dạy và học ngoại ngữ phù hợp theo yêu cầu của từng cấp học và trình độ đào tạo, đặc biệt là tiếng Anh. Tăng cường hợp tác với các tổ chức giáo dục quốc tế trong việc bồi dưỡng giáo

viên, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức các kỳ thi, giao lưu học sinh, sinh viên.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của định hướng nghề nghiệp và phân luồng trong giáo dục phổ thông đối với phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông. Huy động các nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, phát triển đội ngũ giáo viên làm nhiệm vụ tư vấn giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ sở giáo dục phổ thông, các cơ quan quản lý giáo dục với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong hoạt động giáo dục hướng nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục, ứng dụng các mô hình giáo dục, đào tạo mới trên nền tảng công nghệ thông tin như trên internet, trên thiết bị di động, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng dạy và học. Thực hiện bồi dưỡng giáo viên, giảng dạy, học tập, kiểm tra,... bằng hình thức trực tuyến; từng bước xây dựng, sử dụng ngân hàng tài liệu, bài giảng số; khai thác những ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy và học;... Khuyến khích các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục, đào tạo để nhanh chóng nâng cao số lượng và chất lượng giáo dục, đào tạo nhất là trong các ngành có nhu cầu cao như công nghệ thông tin.

6. Đối với lĩnh vực logistics và vận tải

- Chú trọng duy tu, bảo trì và nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống kết cấu giao thông hiện có. Hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng giao thông (bao gồm: đường cao tốc, cảng biển, đường sắt, đường bộ, đường sông) nhằm mục tiêu gắn kết giao thông vận tải trong sản xuất và lưu thông phân phối hàng hóa. Tập trung bố trí nguồn lực từ ngân sách và vốn xã hội hóa để đầu tư các công trình trọng điểm, có tính chiến lược lâu dài để tạo sự đột phá trong phát triển vận tải và thực hiện tái cơ cấu vận tải.

- Ưu tiên phát triển vận tải hành khách công cộng xe buýt và taxi nhằm giảm bớt phương tiện cá nhân tham gia giao thông, góp phần kiềm chế tiến tới giảm thiểu tai nạn giao thông.

- Nâng cao chất lượng công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch; tăng cường, kết nối, phát triển hợp lý các phương thức vận tải, vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics. Quy hoạch hệ thống đường bộ kết nối phù hợp với quy hoạch và quy mô phát triển của hệ thống cảng sông, cảng biển, cảng thủy nội địa, ga đường sắt. Quy hoạch hợp lý các địa điểm tập kết xe tải, container, hệ thống kho bãi, trung tâm logistics.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về dịch vụ logistics cho các doanh nghiệp vận tải hàng hóa để đáp ứng nhu cầu chuyên phát hàng hóa của khách hàng, đặc biệt là đối với hàng hóa thương mại điện tử. Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong logistics như các nền tảng giao dịch dịch vụ vận tải hàng hóa, vận tải hành khách, blockchain.... để đón đầu

các xu thế mới của thị trường logistics quốc tế hướng tới phát triển logistics xanh, logistics thông minh.

7. Đối với lĩnh vực khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống nhằm nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm chủ lực của tỉnh, khai thác có hiệu quả lợi thế của từng vùng, địa phương trong đó chú trọng: công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, xây dựng đô thị thông minh, vùng kinh tế biên và nông thôn kiểu mẫu.

- Phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ gắn với việc hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Nam Định giai đoạn 2020-2025. Xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trong tỉnh có cơ hội tiếp cận nguồn vốn để đầu tư đổi mới công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ để tăng sức cạnh tranh cho các sản phẩm hàng hóa. Đẩy mạnh hoạt động truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm, hàng hóa đặc trưng của địa phương để hỗ trợ xuất khẩu.

- Thúc đẩy chuyển giao công nghệ từ các nước tiên tiến trên thế giới cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển một số ngành công nghiệp có công nghệ hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có khả năng đóng góp lớn cho nguồn thu ngân sách, thân thiện với môi trường, có tác động lan tỏa, xây dựng chuỗi giá trị trong sản xuất. Tích cực nghiên cứu làm chủ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sản xuất sản phẩm thương hiệu Việt Nam.

- Tăng cường xã hội hóa dịch vụ thông tin sáng chế phục vụ hoạt động tiếp cận, tra cứu, khai thác nguồn thông tin sáng chế, công nghệ sẵn có để áp dụng trong sản xuất, kinh doanh và định hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trong đó đặc biệt chú trọng đến sáng chế, công nghệ mới.

8. Đối với lĩnh vực du lịch

- Khuyến khích, tạo điều kiện thu hút đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ du lịch; khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương trong mối tương quan với du lịch của vùng. Phát triển các trung tâm vui chơi, giải trí để khai thác những điều kiện, lợi thế về cảnh quan, sinh thái, các giá trị văn hoá, tâm linh. Tiếp tục cải tạo, nâng cấp và nâng cao chất lượng dịch vụ tại các khu du lịch truyền thống.

- Đổi mới cách thức, nâng cao hiệu quả xúc tiến và quảng bá du lịch trong và ngoài nước, đảm bảo tính thống nhất, chuyên nghiệp, hiệu quả, giới thiệu được các sản phẩm du lịch đặc sắc, hấp dẫn của địa phương đến du khách và nhà đầu tư; chú trọng kết hợp nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm với các hoạt động

xúc tiến quảng bá du lịch để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành du lịch trong giai đoạn mới. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, tận dụng thế mạnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong công tác xúc tiến, quảng bá du lịch. Nâng cấp trang thông tin điện tử (website) về du lịch Nam Định; kết hợp sử dụng các nền tảng mạng xã hội phổ biến như Youtube, Facebook, Instagram,... để xây dựng hình ảnh và phát triển thương hiệu du lịch Nam Định.

- Tăng cường liên kết vùng, gắn kết du lịch Nam Định với các địa phương trong cả nước và khu vực. Mở rộng hợp tác, phối hợp với các hãng lữ hành trong và ngoài nước khảo sát, nghiên cứu phát triển các sản phẩm và tour, tuyến du lịch mới. Hàng năm có kế hoạch mời các phóng viên, các hãng hàng không, các công ty du lịch lớn trong nước và quốc tế tới khảo sát, tuyên truyền về các sản phẩm du lịch của Nam Định.

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch, áp dụng các giải pháp và công nghệ du lịch thông minh để cải thiện chất lượng dịch vụ, tăng trải nghiệm của khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng của ngành. Tạo điều kiện để doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin đầu tư phát triển dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tính kết nối và sự đồng bộ về chất lượng trong chuỗi cung ứng sản phẩm du lịch.

- Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hoạt động phát triển du lịch. Có chế độ ưu đãi phù hợp để thu hút nguồn nhân lực du lịch có trình độ cao, chuyên nghiệp về công tác tại địa phương, ưu tiên nguồn nhân lực là người dân địa phương phục vụ du lịch cộng đồng, góp phần tạo việc làm trong khu vực nông thôn, xóa đói giảm nghèo. Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường hoạt động liên doanh, liên kết trong đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ cho lực lượng lao động ngành du lịch trên địa bàn tỉnh.

9. Đối với lĩnh vực y tế

- Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở y tế với các trang thiết bị hiện đại để thực hiện việc tiếp nhận, chuyển giao các kỹ thuật y tế mới, kỹ thuật y tế chuyên sâu giữa các tuyến y tế từ Trung ương đến tỉnh, huyện, cung cấp các dịch vụ y tế chất lượng cao. Đẩy nhanh xã hội hóa, khuyến khích phát triển các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh của hệ thống y tế.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế tuyến xã với vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe. Tiếp tục thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện phiên bản 2.0 của Bộ Y tế để nâng cao chất lượng điều trị; đẩy nhanh công tác chuyển giao kỹ thuật từ các bệnh viện tuyến trên. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế dự phòng, không để xảy ra dịch bệnh lớn; triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu y tế - dân số.

- Đẩy mạnh thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ

máy, nhân sự và tài chính gắn với trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch. Áp dụng mô hình quản trị đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như quản trị doanh nghiệp. Đẩy nhanh lộ trình thực hiện giá thị trường, tính đúng, tính đủ chi phí hợp lý vào giá dịch vụ y tế.

- Thúc đẩy việc nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh trên nền tảng công nghệ 4.0 như y tế từ xa, bệnh án điện tử, quản trị bệnh viện bằng công nghệ thông tin,... Tập trung triển khai theo lộ trình và sớm hoàn thiện sổ sức khỏe điện tử đến từng người dân, để tiến tới mọi người dân đều được theo dõi, quản lý sức khỏe, khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm. Đẩy mạnh thực hiện bảo hiểm y tế bắt buộc, tiến tới thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước bao gồm ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.

2. Tích cực huy động nguồn tài chính từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kế hoạch này có trách nhiệm:

- Tham mưu, tổng hợp cho UBND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và chế độ thông tin, báo cáo về triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ cơ cấu lại ngành dịch vụ của các ngành, lĩnh vực, địa phương; kịp thời đề xuất hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền biện pháp xử lý đối với những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Định kỳ hằng năm, bắt đầu từ năm 2021, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình triển khai, kết quả thực hiện Kế hoạch này và đề xuất sửa đổi, bổ sung Kế hoạch trong trường hợp cần thiết.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định có trách nhiệm:

2.1. Tổ chức quán triệt, triển khai có hiệu quả và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công. Chủ động lồng ghép các nội dung và nhiệm vụ cơ cấu lại ngành dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý vào các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

2.2. Trên cơ sở các nội dung và nhiệm vụ cơ cấu lại tại Kế hoạch này, kịp thời xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 trên lĩnh vực, ngành hoặc vùng lãnh thổ thuộc thẩm quyền quản lý.

2.3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện tái cơ cấu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Định kỳ hàng năm kiểm điểm tình hình thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ và báo cáo kết quả thực hiện cơ cấu lại ngành, lĩnh vực dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các đ/c lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố ND;
- Website tỉnh, Website VP UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP5, VP2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Ngô Gia Tự